TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **98**/2019/HNGĐ-ST Ngày: 25 - 11 - 2019 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Đinh Thị Bích Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Giáp và ông Doãn Đức Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Đại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Mạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 25/11/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 497/2019/TLST- HNGĐ ngày 08/7/2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 132/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08/11/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Bà Trương Thị C, sinh năm 1966**. HKTT: Tổ 3, khu phố A, thị trấn A1, huyện T, tỉnh Đ. Tạm trú: số 35, tổ 12, đường A2, ấp 5, xã S, huyện T, tỉnh Đ. (có mặt)

- *Bị đơn:* **Ông Trần Văn T, sinh năm 1972**; Nơi cư trú cuối cùng: Tổ 3, khu phố A, thị trấn A1, huyện T, tỉnh Đ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và Bản tự khai của nguyên đơn bà Trương Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông Trần Văn T tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 và ngày 21/10/2002 được UBND xã Sông Trầu, huyện Thống Nhất (nay là huyện Trảng Bom), tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống đến năm 2011 phát sinh mâu thuẫn

trầm trọng nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên từ năm 2013 đến nay ông T đã bỏ địa phương đi biệt tích. Theo Quyết định số 06/2019/QĐST-VDS ngày 24/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai đã tuyên bố ông Trần Văn T, sinh năm 1972; Nơi cư trú cuối cùng: Tổ 3, khu phố 3, thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai mất tích. Nay bà C xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Trương Ngọc Băng Tr, sinh ngày 25/02/2002 hiện đang sống với bà C nên bà C yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 xe máy nhãn hiệu Boss biển số 60Z2-2914. Khi ly hôn, bà C yêu cầu chia đôi tài sản, bà nhận tài sản và thanh toán giá trị xe cho ông T. Theo Chứng thư thẩm định giá, trị giá xe là 2.500.000đồng.

Về nợ chung: Bà C khai không có.

Do bị đơn ông Trần Văn T đã bỏ đi biệt tích khỏi địa phương từ năm 2013 đến nay không có tin tức nên không có ý kiến trình bày trong vụ án này.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom: Tòa án thu thập chứng cứ đầy đủ, Hội đồng xét xử đúng quy định bảo đảm quyền và nghĩa vụ của đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C. Tài sản chung: chia đôi tài sản, bà C nhận tài sản và thanh toán ½ giá trị xe cho ông T. Nợ chung: Bà C khai không có. Bà C phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Văn T đã bỏ đi biệt tích khỏi nơi cư trú, Tòa án đã có quyết định tuyên bố ông T mất tích, cho đến nay ông T vẫn biệt tích. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định pháp luật nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị C và ông Trần Văn T kết hôn không vi phạm điều kiện kết hôn và ngày 21/10/2002 được UBND xã Sông Trầu, huyện Thống Nhất (nay là huyện Trảng Bom), tỉnh Đồng Nai. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Bà C cho rằng: Vợ chồng chung sống đến năm 2011 phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nguyen nhân do bất đồng quan điểm sống nên từ năm 2013 ông T đã bỏ đi biệt tích khỏi nơi cư trú đến nay không có tin tức và ngày 24/5/2019, Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom đã tuyên bố ông T mất tích, đến nay bà C và chính quyền địa phương vẫn không có tin tức của ông T. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà C và ông T ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy bà C xin được ly hôn với ông T là có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu nuôi con chung của bà C thì thấy: Cháu Trần Trương Ngọc Băng Tr, sinh ngày 25/2/2002 từ trước đến nay sống với bà C, nguyện vọng của cháu mong muốn được sống với bà C. Bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Bà C yêu cầu chia đôi tài sản là 01 xe máy nhãn hiệu Boss, biển số 60Z2-2914, bà C yêu cầu được nhận xe và thanh toán ½ giá trị xe cho ông T là phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về nợ chung: Bà C khai không có.

[6] Về chi phí tố tụng: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Bà C phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ-ST và 300.000đồng án phí chia tài sản chung, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] Quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị là có cơ sở nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33, 59, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Xử cho bà Trương Thị C và ông Trần Văn T ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Trần Trương Ngọc Băng Tr, sinh ngày 25/02/2002 cho bà Trương Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Bà C không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì quyền lợi của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà C được quyền sở hữu 01 xe máy nhãn hiệu Boss, biển số 60Z2-2914, giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy đứng tên ông Trần Văn T. Bà C có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Văn T 1.250.000đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà C có nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy trên theo quy định pháp luật.

- Về nợ chung: Bà C khai không có.

- Về án phí:

Bà C phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí, theo biên lai thu số 0006863, 0006864 ngày 08/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà C đã nộp đủ tiền án phí.

Ông T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung.

- Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

- Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai ;
- VKSND huyện; tỉnh;
- Chi cục THA DS cùng cấp;
- UBND xã Sông Trầu (số 95 ngày 21/10/2002).
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đinh Thị Bích Liễu